TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6- 2026
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1756/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bé T, sinh năm 1986. Số CCCD: 096186019298, cấp ngày 26/8/2021. Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường H, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1986. Số CCCD: 096086016511, cấp ngày 11/8/2021. Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường H, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Phan Thị Bé T trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Chí C kết hôn với nhau vào ngày 17/9/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường H, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện (theo giấy chứng nhận kết hôn số 109, Quyển số 01/2007). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ghen tuông khi ông C phát hiện bà có mối quan hệ tình cảm với người khác. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 15/8/2008; Nguyễn Chí H1, sinh ngày 10/7/2014. Khi ly hôn bà giao cả hai con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con (hai con là 2.000.000 đồng). Tại phiên tòa, bà xác định chỉ cấp dưỡng nuôi cháu

Chí H1 mỗi tháng là 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Chí Cao trình B:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng. Quá trình chung sống bà T có mối quan hệ tình cảm với người khác, tuy nhiên ông còn thương vợ nhiều muốn hoà giải đoàn tụ vợ chồng nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, ông xác định do bà T cương quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 15/8/2008; Nguyễn Chí H1, sinh ngày 10/7/2014. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, đồng ý với trình bày của bà T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H1 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T và ông C xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 109, Quyển số 01/2007 - nay là UBND phường H, tỉnh Cà Mau) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Quá trình chung sống, bà T và ông C xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T có phát sinh tình cảm nam nữ với người đàn ông khác, không chung thủy. Sau sự việc thì mặc dù ông C tha thứ lỗi nhưng bà T vẫn thấy mặc cảm, không thể tiếp tục sống chung với được với ông C. Hiện bà T xác định không còn tình cảm, bà nhận thấy đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Tại phiên tòa, ông C cũng thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà T. Xét thấy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 15/8/2008 và Nguyễn Chí H1, sinh ngày 10/7/2014. Hiện hai con đang sống cùng với ông C. Tại phiên tòa, bà T và ông C thống nhất giao hai con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này của ông, bà cũng phù hợp với hoàn cảnh thực tế hai con đang sống cùng với ông C. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống

sinh hoạt hàng ngày của các cháu nên tiếp tục giao hai con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà T và ông C thống nhất bà T cấp dưỡng nuôi cháu Chí H1 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sự thống nhất thỏa thuận này của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông C khai không có.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Bé T xin ly hôn với ông Nguyễn Chí C.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 15/8/2008 và Nguyễn Chí H1, sinh ngày 10/7/2014 cho ông Nguyễn Chí C trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phan Thị Bé T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Chí H1 mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 08/5/2026 bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0005757 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Áp phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Bé T phải chịu là 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy N